

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
tỉnh Vĩnh Long thuê đất**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1867/QĐ-UBND, ngày 15/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Tờ trình số 4719/TTr-STNMT; Tờ trình số 4720/TTr-STNMT; Tờ trình số 4721/TTr-STNMT; Tờ trình số 4722/TTr-STNMT; Tờ trình số 4723/TTr-STNMT; Tờ trình số 4724/TTr-STNMT; Tờ trình số 4725/TTr-STNMT; Tờ trình số 4726/TTr-STNMT; Tờ trình số 4727/TTr-STNMT; Tờ trình số 4728/TTr-STNMT cùng ngày 07/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 63, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất trả tiền hàng năm để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) đối với các thửa đất sau:

1. Thuộc thửa đất số 202, tờ bản đồ số 30, diện tích 197,3m², loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), tại xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm.

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1553/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 05/10/2023.

2. Thừa đất số 4, tờ bản đồ số 35, diện tích $303,5\text{m}^2$ (giảm $0,3\text{m}^2$ so với giấy chứng nhận QSDĐ thuộc tư liệu chương trình đất do khảo sát đo đạc hiện trạng), theo bản đồ địa chính chính quy (VLAP), loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), tại xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình.

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1559/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 05/10/2023.

3. Thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 10, diện tích $1.189,8\text{m}^2$ (giảm $119,3\text{m}^2$ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do thu hồi đất xây dựng công trình đê bao sông Măng Thít, giai đoạn 2), loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), tại xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm.

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1554/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 05/10/2023.

4. Thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 8, diện tích $220,4\text{m}^2$ (tăng $2,4\text{m}^2$ so với giấy chứng nhận QSDĐ thuộc tư liệu chương trình đất do khảo sát đo đạc hiện trạng), theo bản đồ địa chính chính quy (VLAP), loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), tại xã Long Phú, huyện Tam Bình.

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1558/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 05/10/2023.

5. Thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 11, diện tích $253,5\text{m}^2$ (tăng $6,5\text{m}^2$ so với giấy chứng nhận QSDĐ thuộc tư liệu chương trình đất do khảo sát đo đạc hiện trạng), loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), tại xã Tân An Hội, huyện Mang Thít.

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1603/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 19/10/2023.

6. Thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 39, diện tích $300,5\text{m}^2$, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), tại xã Thành Trung, huyện Bình Tân.

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1555/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 05/10/2023.

7. Thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 9, diện tích $303,3\text{m}^2$ (tăng $3,3\text{m}^2$ so với giấy chứng nhận QSDĐ thuộc tư liệu chương trình đất do khảo sát đo đạc hiện trạng), theo bản đồ địa chính chính quy (VLAP), loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), tại xã Mỹ An, huyện Mang Thít.

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1557/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 05/10/2023.

8. Thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 38, diện tích $306,8\text{m}^2$ (tăng $6,8\text{m}^2$ so với giấy chứng nhận QSDĐ thuộc tư liệu chương trình đất do khảo sát đo đạc hiện trạng) theo bản đồ địa chính chính quy (VLAP), loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), tại xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân.

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1556/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 05/10/2023.

9. Thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 13, diện tích 505,1m² (tăng 5,1m² so với giấy chứng nhận QSDĐ thuộc tư liệu chương trình đất do khảo sát đo đạc hiện trạng), theo bản đồ địa chính chính quy (VLAP), loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), tại xã Đông Thạnh, thị xã Bình Minh.

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1560/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 05/10/2023.

10. Thuộc thửa đất số 330 và 366, tờ bản đồ số 1, diện tích 517,1m² (trong đó: diện tích thửa đất số 601 giảm 85,9m² so với giấy chứng nhận QSDĐ thuộc tư liệu chương trình đất do khảo sát đo đạc hiện trạng). Theo bản đồ địa chính chính quy (VLAP), loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), tại xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm.

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1561,1562/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 05/10/2023.

11. Thời hạn và hình thức thuê đất

- Thời hạn thuê đất: 50 năm (kể từ ngày 01/7/2014 đến hết ngày 01/7/2064 theo quy định tại khoản 2, Điều 60 Luật Đất đai).

- Hình thức thuê đất: trả tiền hàng năm.

- Tiền thuê đất tính kể từ ngày 01/7/2014 (theo quy định tại khoản 2, Điều 60 Luật Đất đai).

Những hạn chế về quyền sử dụng đất: Không.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế tỉnh thông báo cho người được thuê đất nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

2. Ký hợp đồng thuê đất với Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Vĩnh Long.

3. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;

4. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Vĩnh Long đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

5. Chính lý hồ sơ địa chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Vĩnh Long, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Vũng Liêm, Tam Bình, Mang Thít, Bình Tân và thị xã Bình Minh, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện Vũng Liêm, Tam Bình, Mang Thít, Bình Tân và thị xã Bình Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã Trung Ngãi, Trung Nghĩa, Tân

Quới Trung, huyện Vũng Liêm; các xã Loan Mỹ, Long Phú, huyện Tam Bình; các xã Tân An Hội, Mỹ An, huyện Mang Thít; các xã Thành Trung, Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân; xã Đông Thành, thị xã Bình Minh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm đăng Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng KTNV;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, 4.08.07.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH